

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/DS-ST

Ngày: 05-9-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Phương Lan;

2. Ông Vũ Văn Hợp.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Danh H**, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Danh H trình bày như sau: Nguyên vào ngày 29/8/2013, ông Huỳnh Tấn T có đến mượn ông số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi hàng tháng với thời hạn 03 tháng thì ông T phải trả nợ gốc cho ông. Hai bên có làm biên nhận ngày 29-8-2013. Từ khi vay cho đến tháng 06 năm 2018 thì ông T đã trả được cho ông được số tiền lãi là 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) nhưng ông T vẫn chưa hoàn trả số tiền vay gốc cho ông. Ông đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu ông T trả nợ cho ông nhưng ông T cố tình trốn tránh không trả số tiền nợ cho ông. Đến ngày 19/6/2019 ông có làm đơn gửi đến chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Ông H xác nhận, đối với số tiền nợ này là nợ riêng của ông T nên ông chỉ yêu cầu ông T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông, không yêu cầu vợ ông T có trách nhiệm liên đới cùng ông T thanh toán. Đây là sự tự nguyện của ông và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa ông Danh H yêu cầu: Buộc ông Huỳnh Tấn T trả cho ông số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Tại bản tự khai ngày 29-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Tấn T trình bày tại Tòa án như sau:* Ông T thừa nhận vào năm 2013 ông có vay tiền của ông Danh H số tiền là 20.000.000 đồng như ông H trình bày nhưng do điều kiện làm ăn thất bại nên ông chỉ trả lãi cho ông H được số tiền 19.000.000 đồng còn lại số tiền gốc là 20.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Ông T xác nhận, đối với số tiền lãi mà ông đã đóng cho ông H với số tiền là 19.000.000đ thì ông không yêu cầu Tòa án xem xét lại. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên ông chỉ có khả năng trả cho ông H số tiền vay gốc là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) trong thời hạn 10 tháng.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Tấn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Huỳnh Tấn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo ông H trình bày ông và ông T có thỏa thuận cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn thanh toán là 03 tháng. Sau đó, ông T chỉ thanh toán tiền lãi cho ông H được số tiền là 19.000.000 đồng còn lại số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng chưa thanh toán và các bên viết giấy vay tiền. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ông H yêu cầu ông T phải trả số tiền vay còn lại là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” thuộc trường hợp vay có kỳ hạn được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 và Điều 478 Bộ Luật dân sự 2005.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông H khởi kiện ông T có địa chỉ ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung:* Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử ông H đã cung cấp cho Tòa án

giấy biên nhận ngày 29-8-2013. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T và ông T có văn bản ý kiến là thừa nhận nợ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa, ông H trình bày khoản tiền mà ông T còn thiếu ông là nợ cá nhân ông T nên cần buộc ông T có trách nhiệm phải trả cho ông H số tiền trên là phù hợp. Về lãi suất: Ông H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 305, Điều 471 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015); Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Danh H; buộc ông Huỳnh Tấn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông H số tiền là 20.000.000 đồng.

Về cách thức ông T thanh toán tiền nợ vay nêu trên cho ông H như thế nào thì thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đ x 5% = 1.000.000 đồng.

Ông Danh H không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 305, Điều 471 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh H về việc buộc ông Huỳnh Tấn T phải trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông H không yêu cầu tính lãi.

1. Buộc ông Huỳnh Tấn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Danh H số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), ông H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn T phải có trách nhiệm nộp án phí số tiền là 1.000.000 đồng.

Ông Danh H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

3. Quyền kháng cáo: Ông H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu T;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu T;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pi Sách

**TÒA ÁN ND HUYỆN CHÂU T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Châu T, ngày 05 tháng 9 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 05 tháng 9 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Bà Huỳnh Phương Lan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 182/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Danh H**, sinh năm: 1951;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 305, Điều 471 và Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh H về việc buộc ông Huỳnh Tấn T phải trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, ông H không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

1. Buộc ông Huỳnh Tấn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Danh H số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), ông H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn T phải có trách nhiệm nộp án phí số tiền là 1.000.000 đồng. Ông Danh H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

3. Quyền kháng cáo: Ông H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 05 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả T viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

[3] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Kim Phan và ông Hứa Hưng xác nhận đối với số tiền nợ mà bà Huỳnh Ghét vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam là nợ riêng của bà Ghét nên bà Ghét tự chịu trách nhiệm thanh toán còn phần tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.248m², thửa số 497, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố Minh Phú, thị trấn Minh Lương, huyện Châu T, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 568552 do UBND huyện Châu T cấp ngày 05/8/2005 cho bà Huỳnh Ghét đứng tên chủ sở hữu là tài sản cá nhân của bà Ghét và bà Ghét được tự quyền định đoạt, bà Phan, ông Hưng không tranh chấp và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy đối với khoản nợ Ngân hàng khởi kiện của bà Ghét là nợ cá nhân của bà Ghét, không liên quan đến bà Phan, ông Hưng nên bà Ghét có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định pháp luật.